TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-02-2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Lộc;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 562/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 09/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37A/2025/QĐST-DS ngày 27/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường L, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố 3, Phường L, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc N và Ông Nguyễn Hoàng T chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh vào năm 2012. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T không lo làm ăn phụ giúp gia đình, thường xuyên đi uống rượu không chăm lo con cái. Bà N đã nộp đơn yêu cầu ly hôn ở tòa nhiều lần và từng rút yêu cầu khởi kiện cho ông T cơ hội sửa đổi nhưng ông vẫn không thay đổi. Từ trước đến nay bà N buôn bán và lo cho cả gia đình, ông T không có việc làm, thường xuyên đi uống rượu không

chăm lo cho con cái. Bà vẫn một mình buôn bán lo cho các con đầy đủ từ trước đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T chung sống có 04 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh năm 08/9/2009; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 13/3 2011; Nguyễn T3, sinh ngày 26/8/2012; Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 10/8/2021. Bà N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuội con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Ông Nguyễn Hoàng T đã được tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Ngọc N đối với Ông Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung sau khi ly hôn, các con chung có nguyện vông sống cùng bà N, bà N là người làm ra thu nhập chăm lo con cái trước nay, nên cần xem xét giao con chung cho bà N trực tiếp muôi dưỡng sau khi ly hôn. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Hoàng T. Ông Nguyễn Hoàng T cư trú tại Khu phố 3, Phường L, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân khu vực 10 - Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự và những người tham gia tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc N và Ông Nguyễn Hoàng T chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh vào năm 2012, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc N, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống chung của bà N, ông Tcó sự mâu thuẫn kéo dài. Bà N trình bày Cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Tkhông lo làm ăn phụ giúp gia đình, thường xuyên đi uống rượu, không chăm lo con cái. Bà N đã nộp đơn yêu cầu ly hôn ở tòa án nhiều lần và từng rút yêu cầu khởi kiện cho ông Tcơ hội sửa đổi nhưng ông vẫn không thay đổi. Từ trước đến nay bà N buôn bán và lo cho cả gia đình, ông Tkhông có việc làm. Tòa án cũng cho thời gian để hai vợ chồng tự hòa giải, hàn gắn hôn nhân nhưng bà N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của mình, cương quyết xin ly hôn. Đến hiện tại nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận.

Ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc, không tích cực thực hiện giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 04 con chung sau khi ly hôn. Các con chung đều có nguyện vọng sống cùng bà N, theo như bà N trình bày thì bà là người làm ra thu nhập chăm lo con cái trước nay, nên giao các con chung cho bà N trực tiếp muôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ xem xét. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật căn cứ các Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Ngọc N đối với Ông Nguyễn Hoàng T. Bà Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với Ông Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bốn con chung: Nguyễn Thị T1, sinh năm 08/9/2009; Nguyễn Thị T2, sinh ngày 13/3 2011; Nguyễn T3, sinh ngày 26/8/2012 và Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 10/8/2021. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc N chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006947 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo đối với bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND tỉnh Tây Ninh;*
- *VKSND Khu vực 10-Tây Ninh;*
- *THA Khu vực 10-Tây Ninh ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thụy Hải Yến